

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ CÔNG THƯƠNG

VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

PHẠM CHÂU GIANG

GIẢI PHÁP PHÒNG TRÁNH VÀ ỨNG PHÓ
ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH
BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI
ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2025

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

Người hướng dẫn khoa học:

Hướng dẫn chính: TS. Trịnh Thị Thanh Thủy

Hướng dẫn phụ: TS. Trịnh Anh Tuấn

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện

Vào hồi: ... giờ ngày ... tháng năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Nghiên cứu Chiến lược, Chính sách Công Thương

Hà Nội, 2025

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết nghiên cứu đề tài luận án

Tính đến hết tháng 7/2025, các nước đã tiến hành 40 vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) đối với Việt Nam, tác động đến khoảng 20 tỷ USD hàng hóa xuất khẩu và hơn 1000 doanh nghiệp bị ảnh hưởng liên đới. Không những thế, những cuộc điều tra liên tiếp nhắm vào Việt Nam này còn “châm ngòi” cho hiệu ứng domino trong thương mại quốc tế, dẫn đến hàng hóa Việt Nam luôn bị hải quan các nước nhập khẩu kiểm soát chặt về xuất xứ hơn các nước láng giềng trong quá trình thông quan. Chủ động phòng tránh và ứng phó các cuộc điều tra chống lẫn tránh các biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là rất cần thiết và cấp bách. Tuy nhiên, ở góc độ kinh doanh thương mại còn chưa có công trình nào nghiên cứu về chủ đề này một cách toàn diện dựa vào các cơ sở khoa học khách quan và phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay cũng như các năm tiếp theo. Vì vậy, Nghiên cứu sinh lựa chọn chủ đề nghiên cứu của luận án ***“Giải pháp phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam”*** với mục tiêu làm rõ cơ sở lý luận, phân tích thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp khả thi, góp phần vào mục tiêu phát triển xuất khẩu bền vững của Việt Nam.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Về biện pháp PVTM, Matsushita, Schoenbaum, Mavroidis và Hahn cho rằng đây là một trong những trụ cột của WTO, cần được sử dụng để duy trì cạnh tranh công bằng thay vì làm công cụ bảo hộ. Wruuck kết hợp chính trị quốc tế và kinh tế học để giải thích nguyên nhân áp dụng chống bán phá giá, đồng thời nhấn mạnh đến yếu tố chiến lược và trả đũa. Coppens tập trung vào Hiệp định SCM, phân tích nhiều vụ kiện và kiến nghị cải cách cách xác định thiệt hại nhằm tránh lạm dụng. Mercurio

ngiên cứu Hiệp định về Biện pháp tự vệ, chỉ ra các lỗ hổng pháp lý cũng như nguy cơ lạm dụng, đồng thời đề xuất cải cách. Ở Việt Nam, Vũ Thị Phương Lan hệ thống hóa lý luận và pháp luật về chống bán phá giá (CBPG), đồng thời phân tích thực tiễn và vai trò của các chủ thể liên quan. Mai Xuân Hợi tập trung vào vai trò của các cơ quan nhà nước trong thực thi PVTM, nhưng chủ yếu từ góc độ bên điều tra. Các báo cáo thường niên của Cục PVTM cung cấp bức tranh toàn diện về tình hình áp dụng biện pháp PVTM ở trong và ngoài nước, đồng thời nêu công tác cảnh báo sớm.

Về chống lẩn tránh lẩn tránh PVTM, Lucia Ostoni cung cấp cái nhìn tổng quát về quy định của GATT 1994, qua đó đặt nền tảng lý luận quan trọng cho các nghiên cứu sau này. International Trade Centre phân tích pháp luật và thực tiễn điều tra của EU trong khi Puccio và Ebrahar tập trung phân tích các vụ việc chống lẩn tránh thuế CBPG của EU, đồng thời chỉ ra rằng không phải tất cả vụ việc đều bắt nguồn từ hành vi gian lận cố ý. Yannning Yu đi sâu vào góc độ luật pháp quốc tế và nội luật, phân tích lịch sử và các loại hình lẩn tránh thuế, coi đó là công cụ bảo hộ hay phương tiện duy trì cạnh tranh công bằng tùy thuộc vào từng quốc gia. Kucheriava Yuliia đề xuất sửa đổi bản câu hỏi và quy trình điều tra chống bán phá giá, khuyến nghị cơ chế tham vấn công khai để phòng ngừa hành vi lẩn tránh. Ở Việt Nam, Cục PVTM (2018) chỉ ra các hình thức lẩn tránh phổ biến như trung chuyển qua nước thứ ba, thay đổi nhỏ về sản phẩm hoặc nhập khẩu linh kiện để lắp ráp, nhưng nghiên cứu này chưa phân biệt rõ lẩn tránh và gian lận xuất xứ. Bộ Công Thương (2019) phân tích thực trạng tại Việt Nam, nêu rõ những hệ lụy và đề xuất Chính phủ xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm tăng cường quản lý và xử lý trong bối cảnh thương mại quốc tế (TMQT) ngày càng phức tạp.

Về phòng tránh và ứng phó liên quan đến PVTM, phần lớn các công trình tập trung ở Trung Quốc, quốc gia chịu nhiều vụ kiện PVTM nhất, cùng với một số nghiên cứu ở các nước khác thường bị điều tra. Jianna Zhao (2007) xây dựng mô hình cảnh báo sớm CBPG cho hàng dệt may Trung Quốc dựa trên tập thô và cây quyết định mờ kết hợp mạng

no-ron, thiết lập ngưỡng cảnh báo rủi ro và chứng minh tính hiệu quả trong dự đoán các vụ kiện. Hongjin Xiang (2011) sử dụng các chỉ số kinh tế để dự đoán rủi ro bị kiện. Lu Yuan-yuan và He Hai-yan (2011) áp dụng mô hình KLR cho thấy hiệu quả dự báo cao và có thể ứng dụng cho doanh nghiệp xuất khẩu. Bộ Công Thương (2021) trong Đề án nâng cao năng lực về PVTM đã đưa ra gợi ý chính sách nhằm hỗ trợ cơ quan quản lý và doanh nghiệp, song còn thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn minh chứng. Lê Triệu Dũng (2025) hệ thống hóa vấn đề lý luận về ứng phó biện pháp chống trợ cấp (CTC), qua đó hình thành khung khổ lý thuyết quan trọng cho việc ứng phó hiệu quả hơn với các biện pháp CTC trong tương lai.

2.2. Những vấn đề luận án kế thừa và phát triển

Dù còn giới hạn, những công trình này vẫn có giá trị lý luận và thực tiễn, tạo nền tảng để tác giả kế thừa và phát triển trong nghiên cứu luận án sau: **(1)** Lý luận và khuôn khổ các quy định quốc tế, quy định từng quốc gia về biện pháp PVTM như một thiết chế chung và từng biện pháp PVTM cụ thể; **(2)** Lý luận về hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM, cơ sở lý luận phát triển các quy định pháp luật của các nước về điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM, thực tiễn điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM của một số nước; **(3)** Nguyên nhân dẫn đến khả năng bị điều tra một vụ việc lẫn tránh biện pháp PVTM và cơ sở lý luận xây dựng các nguyên tắc phòng tránh, ứng phó điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM.

2.3. Khoảng trống nghiên cứu

Về mặt lý luận, các công trình trong nước chủ yếu dừng ở bài viết học thuật, thông tin rời rạc, chưa cập nhật và thường gộp chung với nội dung điều tra CBPG, CTC, trong khi nghiên cứu quốc tế lại khó áp dụng vì khác biệt về thể chế và thương mại. Luận án xác định khoảng trống nghiên cứu gồm cơ sở lý luận về điều tra lẫn tránh PVTM, lý luận và pháp lý về phòng tránh và ứng phó, sự phân biệt giữa gian lận xuất xứ và lẫn tránh PVTM, cùng nghiên cứu tích hợp pháp lý, kinh tế, kỹ thuật để xây dựng mô hình đánh giá nguy cơ điều tra đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Về thực tiễn, cho đến nay chưa có nghiên cứu nào trong nước hay quốc tế đưa ra giải pháp phòng tránh và ứng phó với điều tra lẫn tránh. Các nghiên cứu mới chỉ tập trung vào tiêu chí đánh giá nguy cơ bị điều tra PVTM theo ngành hoặc quốc gia, trong khi tiêu chí riêng cho lẫn tránh PVTM với hàng xuất khẩu Việt Nam còn thiếu và thường bị lồng ghép vào phân tích thương mại. Điều này dẫn đến sự thiếu khách quan khi xây dựng cảnh báo và giải pháp ứng phó nên đề tài luận án mang tính mới, không trùng lặp, và có ý nghĩa thiết thực.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu: Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu: (1) Hệ thống hoá và làm rõ cơ sở lý luận về phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM (tập trung vào biện pháp CBPG và CTC); (2) Phân tích, đánh giá thực trạng phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam; (3) Làm rõ bối cảnh và nhân tố tác động đến phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam; (4) Nghiên cứu đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề lý luận và thực tiễn về phòng tránh và ứng phó các vụ việc điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM của nước ngoài đối với hàng xuất khẩu của một quốc gia, liên hệ vào thực tiễn của Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu:

Về thời gian, luận án nghiên cứu tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 2015-2025, đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp phòng tránh, ứng phó điều tra lẫn tránh đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Về không gian, luận án nghiên cứu về hoạt động điều tra, phòng tránh và ứng phó điều tra lần tránh PVTM của Việt Nam và các nước có liên quan.

Về nội dung, tập trung vào cơ sở khoa học, quy định quốc tế và pháp luật một số nước về điều tra lần tránh biện pháp CBPG và CTC, đồng thời phân tích kinh nghiệm phòng tránh và ứng phó với các cuộc điều tra này đối với hàng hóa xuất khẩu của một quốc gia.

5. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng các phương pháp nghiên cứu bao gồm: (1) nghiên cứu tại bàn (thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp); (2) thu thập, phân tích dữ liệu sơ cấp thông qua khảo sát bằng bản hỏi; và (3) nghiên cứu tình huống điển hình (case study) với mục đích đảm bảo tính khách quan, thực tế và chính xác của các kết quả nghiên cứu.

6. Đóng góp mới của luận án

Về lý luận, luận án đã tổng quan, tập hợp và góp phần làm rõ một số cơ sở lý luận về: (1) nguyên nhân và bản chất của việc điều tra chống lần tránh biện pháp PVTM; (2) làm rõ mối quan hệ giữa các học thuyết kinh tế và khung khổ pháp lý liên quan đến PVTM và chống lần tránh biện pháp PVTM của Việt Nam và một số quốc gia áp dụng biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam; (3) nội dung và công cụ phòng tránh và ứng phó điều tra chống lần tránh biện pháp PVTM; (4) luận án cũng hệ thống hóa một số khái niệm có liên quan, xác lập được nội dung, các công cụ phòng tránh và ứng phó để rút ra 4 bài học có thể vận dụng cho Việt Nam; (5) cung cấp luận cứ để đề xuất giải pháp cho cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp trong việc cảnh báo sớm, phòng ngừa và ứng phó với các vụ việc điều tra đối với Việt Nam.

Về thực tiễn, luận án phân tích thực trạng phòng tránh và ứng phó điều tra chống lần tránh biện pháp PVTM đối với Việt Nam, qua đó chỉ ra thành công, hạn chế và vấn đề đặt ra, đồng thời khẳng định vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp và hiệp hội trong quá trình này. Trên cơ sở đó, luận án khái quát bối cảnh, nhận diện cơ hội và thách thức, đề xuất hai

nhóm giải pháp có cơ sở khoa học và giá trị thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả phòng tránh và ứng phó đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Các giải pháp được cụ thể hóa gắn với mục tiêu phát triển bền vững xuất khẩu, bảo vệ sản xuất trong nước, đồng thời kết hợp đồng bộ với các chương trình chống gian lận thương mại và mở rộng quản lý theo hướng tiếp cận chuỗi giá trị, tăng cường giám sát toàn diện và thường xuyên hơn.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài các phần như lời cam đoan, phần mở đầu, mục lục, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, kết cấu của luận án gồm 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phòng tránh và ứng phó điều tra lần tránh biện pháp tránh PVTM.

Chương 2. Thực trạng phòng tránh và ứng phó điều tra lần tránh biện pháp tránh PVTM giai đoạn 2015-2025.

Chương 3. Quan điểm, định hướng và giải pháp phòng tránh và ứng phó điều tra lần tránh biện pháp tránh PVTM đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ PHÒNG TRÁNH VÀ ỨNG PHÓ ĐIỀU TRA CHỐNG LẦN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA MỘT NƯỚC

1.1. Phòng vệ thương mại và lần tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

1.1.1. Biện pháp phòng vệ thương mại

PVTM là khái niệm dùng để chỉ ba biện pháp được quy định trong các hiệp định của WTO và được nhiều quốc gia nội luật hóa, gồm CBPG, CTC và tự vệ. Các biện pháp PVTM là công cụ được WTO cho phép áp dụng nhằm bảo vệ sản xuất trước những tác động tiêu cực của hàng hóa nhập khẩu. Các biện pháp PVTM giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong

bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là đối với các nền kinh tế đang phát triển và các ngành công nghiệp non trẻ.

1.1.2. Một số học thuyết về kinh tế và mối quan hệ với biện pháp PVTM

Ứng hộ cho tự do hóa thương mại, các lý thuyết kinh tế cổ điển đều giải thích nguyên nhân, cơ chế và lợi ích của trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia. TMQT thúc đẩy toàn cầu hóa, mang lại lợi ích từ chuyên môn hóa và khác biệt nguồn lực, song cũng tạo ra thất nghiệp, bất bình đẳng và nguy cơ lệ thuộc. Từ đó, PVTM (PVTM) ra đời như một công cụ chính sách tất yếu, vừa bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước cạnh tranh không công bằng, vừa tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh, đặc biệt đối với các nền kinh tế đang phát triển.

Ở chiều ngược lại, lý thuyết hành vi cơ hội của Williamson lý giải việc lẫn tránh PVTM thông qua các kẽ hở thực thi, cho thấy cần cơ chế giám sát và chế tài mạnh. Lý thuyết chính sách thương mại của Bagwell & Staiger chỉ ra cần can thiệp để khắc phục các tác động tiêu cực như bán phá giá và trợ cấp, còn mô hình kim cương của Micheal Porter nhấn mạnh tầm quan trọng của PVTM trong việc duy trì cạnh tranh công bằng cho ngành nội địa. Nhìn chung, các học thuyết này hợp thành khung phân tích toàn diện giải thích bản chất, vai trò và thách thức của PVTM, đồng thời chỉ ra rằng PVTM vừa là công cụ bảo vệ, vừa là chiến lược thúc đẩy năng lực cạnh tranh quốc gia, nhưng nếu lạm dụng sẽ làm suy yếu động lực phát triển.

1.1.3. Lẫn tránh biện pháp PVTM

Bản chất của hành vi lẫn tránh là làm suy giảm hiệu lực PVTM và gây méo mó cạnh tranh. Dù chưa có định nghĩa thống nhất quốc tế, nhiều nước đã ban hành quy định nhận diện dựa trên các dấu hiệu như thay đổi bất thường trong mô hình thương mại, sự tham gia của nước thứ ba, thiếu cơ sở kinh tế chính đáng và hàng hóa không thay đổi đáng kể về bản chất. Từ các cơ sở lý luận, có thể rút ra khái niệm: *lẫn tránh biện pháp PVTM là việc doanh nghiệp cố ý thực hiện các thay đổi trong hoạt động thương*

mại, sản xuất, gia công hoặc vận chuyển hàng hóa nhằm né tránh các nghĩa vụ phát sinh từ biện pháp PVTM đang được áp dụng mà không có căn cứ kinh tế chính đáng hoặc không làm thay đổi bản chất hàng hóa.

Dựa trên quy định pháp luật của các nước thường xuyên tiến hành điều tra lẫn tránh biện pháp PVTM thì hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM mà chủ yếu là lẫn tránh thuế PVTM thường diễn ra dưới một trong các hình thức như sau:

- Lẫn tránh đơn giản: (i) Chuyển tải (transshipment) bất hợp pháp; (ii) Khai sai hải quan và các phương thức gian lận khác.
- Lẫn tránh phức tạp: (i) Lẫn tránh thượng nguồn (lẫn tránh tại nước áp thuế); (ii) Lẫn tránh hạ nguồn (sản phẩm thuộc công đoạn sản xuất/ lắp ráp/ hoàn thiện sau); (iii) Lẫn tránh qua nước thứ ba; (iv) Lẫn tránh qua hệ thống các công ty đa quốc gia; (v) Lẫn tránh về sản phẩm.

1.1.4. Điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

Nếu không được phát hiện kịp thời, hành vi lẫn tránh biện pháp PVTM có thể vô hiệu hóa tác dụng bảo hộ, khiến ngành sản xuất nội địa tiếp tục thiệt hại dù biện pháp đã được áp dụng hợp pháp. Thông qua nghiên cứu quy định của các nước, có thể rút ra khái niệm về điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM: *Là quá trình do cơ quan có thẩm quyền tiến hành nhằm xác minh, phát hiện và xử lý các hành vi gian lận thương mại có mục đích né tránh nghĩa vụ phát sinh từ biện pháp PVTM đang được áp dụng, mà không làm thay đổi bản chất thương mại hoặc vật lý của sản phẩm.* Việc điều tra chống lẫn tránh đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm hiệu lực của công cụ PVTM, tăng cường công bằng thương mại, và hạn chế nguy cơ bị lợi dụng các lỗ hổng pháp lý trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

1.2. Phòng tránh, ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

1.2.1. Khái niệm và bản chất phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

Khái niệm “*phòng tránh điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM*” hiện chưa được quy định trong pháp luật, nhưng có thể hiểu là việc chủ thể xuất khẩu, bao gồm doanh nghiệp và cơ quan quản lý, chủ động thực hiện các biện pháp nhằm nhận diện sớm nguy cơ bị coi là lẫn tránh, xây dựng hệ thống quản lý xuất xứ và chuỗi cung ứng minh bạch, rà soát pháp lý định kỳ và điều chỉnh mô hình thương mại theo chuẩn mực quốc tế để tránh bị điều tra.

“*Ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM*” có thể hiểu là việc doanh nghiệp xuất khẩu, nhà sản xuất và chính phủ nước xuất khẩu thực hiện các biện pháp pháp lý, kỹ thuật và chính sách để bảo vệ quyền lợi hợp pháp khi bị điều tra. Doanh nghiệp cần chuẩn bị dữ liệu, kiểm toán nội bộ, cung cấp thông tin minh bạch và hợp tác với cơ quan điều tra, trong khi chính phủ hỗ trợ pháp lý, thông tin và thúc đẩy đối thoại. Khác với phòng tránh mang tính chủ động từ trước, ứng phó diễn ra sau khi cuộc điều tra đã được khởi xướng, nhằm kiểm soát tác động tiêu cực, giảm thiểu thiệt hại và bảo đảm quá trình điều tra minh bạch, công bằng, tuân thủ luật pháp quốc tế.

1.2.2. Nội dung phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

Trên cơ sở phân tích nội dung, phạm vi và phương pháp điều tra của các vụ việc điển hình trong thực tiễn quốc tế, nội dung phòng tránh điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM cần tập trung vào các nhóm hoạt động sau: (i) Xác định các nguyên nhân dẫn đến việc hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam bị điều tra chống lẫn tránh; (ii) Xác định các tiêu chí

đánh giá nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh; (iii) Xác định khả năng bị điều tra với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

Khác với phòng tránh mang tính chủ động, ứng phó là quá trình phản ứng mang tính pháp lý – kỹ thuật nhằm cung cấp thông tin, chứng minh không có hành vi lẩn tránh và yêu cầu đối xử công bằng, trong đó doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp tham gia. Một số nội dung chủ yếu trong ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM gồm:

(1) Nắm bắt kịp thời thông tin khởi xướng điều tra và phân tích hồ sơ vụ việc; (2) Chủ động phối hợp và đăng ký bên liên quan; (3) Chuẩn bị và nộp đầy đủ các tài liệu giải trình; (4) Tổ chức giải trình và tham gia phiên điều trần (nếu có); (5) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và hiệp hội ngành hàng

1.2.3. Công cụ phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

Dưới đây là các công cụ chủ yếu thường được sử dụng:

(1) Công cụ pháp lý: là nền tảng định hướng hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước cũng như hành vi tuân thủ của doanh nghiệp, bao gồm pháp luật Việt Nam, pháp luật các nước và pháp luật quốc tế (Hiệp định, FTA, WTO).

(2) Công cụ cảnh báo sớm: là công cụ quan trọng trong việc phòng tránh và ứng phó kịp thời với nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM), giúp các chủ thể liên quan chủ động giám sát, phân tích dữ liệu và đưa ra cảnh báo về rủi ro pháp lý trong hoạt động xuất khẩu, từ đó có thể triển khai các biện pháp ứng phó sớm trước khi vụ việc phát sinh.

(3) Công cụ kỹ thuật và quản trị nội bộ của doanh nghiệp: bao gồm (i) Hệ thống truy xuất nguồn gốc và quản lý xuất xứ; (ii) Hồ sơ lưu trữ đầy đủ và minh bạch; (iii) kiểm toán nội bộ định kỳ.

(4) Công cụ đàm phán, tham vấn và hợp tác quốc tế.

1.2.4. Vai trò của các chủ thể trong phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước

Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong việc định hình khung pháp lý, triển khai chính sách và hỗ trợ doanh nghiệp ứng phó với các vụ việc PVTM. Thông qua hệ thống theo dõi xuất nhập khẩu và tình hình áp dụng PVTM toàn cầu, cơ quan quản lý thiết lập cơ chế cảnh báo sớm để nhận diện nguy cơ điều tra và kịp thời thông tin cho doanh nghiệp. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, Nhà nước đóng vai trò đại diện, tham gia vụ kiện, đàm phán song phương và đa phương nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia cũng như quyền lợi doanh nghiệp.

Doanh nghiệp là đối tượng trực tiếp chịu ảnh hưởng từ các vụ điều tra chống lẩn tránh và đồng thời cũng là chủ thể chủ động nhất trong việc phòng tránh và ứng phó. Doanh nghiệp thực thi và tuân thủ nghiêm túc quy định pháp lý về xuất xứ, chuỗi cung ứng và đầu tư; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và lưu trữ chứng từ đầy đủ; thiết lập cơ chế quản trị rủi ro thương mại và cảnh báo nội bộ; chủ động hợp tác với cơ quan chức năng trong và ngoài nước.

Các hiệp hội ngành hàng giữ vai trò cầu nối giữa Nhà nước và doanh nghiệp, đồng thời bảo vệ lợi ích tập thể thông qua nhiều hoạt động thiết thực. Hiệp hội theo dõi xu hướng điều tra thương mại quốc tế, cung cấp thông tin thị trường và cảnh báo sớm rủi ro PVTM cho hội viên. Bên cạnh đó, họ đại diện doanh nghiệp làm việc với cơ quan chức năng để kiến nghị chính sách phù hợp và hỗ trợ trong các vụ việc cụ thể.

Bên cạnh các chủ thể chính, còn có một số **nhóm chủ thể khác** có vai trò hỗ trợ quan trọng trong phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM, như: (i) Các cơ quan truyền thông, báo chí; (ii) Đơn vị tư vấn, công ty luật, chuyên gia quốc tế, tổ chức tín dụng và kiểm toán; (iii) Tổ chức quốc tế (WTO, ITC, UNCTAD, ERIA, v.v.).

1.3. Kinh nghiệm quốc tế về phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu

Kinh nghiệm từ một số quốc gia Đông Nam Á như Indonesia, Malaysia và Thái Lan và của Hàn Quốc cho thấy, mặc dù mức độ và tần suất các vụ việc bị điều tra chống lẩn tránh khác nhau, nhưng các quốc gia này đều có định hướng chiến lược rõ ràng và nhất quán trong phòng ngừa và ứng phó. Những kinh nghiệm này cung cấp bài học thiết thực cho Việt Nam trong bối cảnh tần suất các vụ việc liên quan đến hàng hóa xuất khẩu ngày càng gia tăng: *Thứ nhất*, xây dựng hệ thống cấp C/O chặt chẽ và minh bạch; *Thứ hai*, tăng cường thể chế hỗ trợ doanh nghiệp; *Thứ ba*, thúc đẩy ngoại giao kinh tế nhằm giảm nguy cơ bị áp dụng biện pháp bất hợp lý; *Thứ tư*, tăng cường đào tạo cho doanh nghiệp.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG PHÒNG TRÁNH VÀ ỨNG PHÓ ĐIỀU TRA CHỐNG LẨN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2015-2025

2.1. Thực trạng xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2015-2025 và nguy cơ bị điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại

2.1.1. Khái quát tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2015-2025

Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam tăng liên tục, từ hơn 150 tỷ USD năm 2015 lên mức kỷ lục trên 405 tỷ USD năm 2024, đưa Việt Nam vào top 30 nền kinh tế xuất khẩu lớn nhất toàn cầu. Tuy nhiên, Việt Nam ngày càng trở thành đối tượng của nhiều vụ điều tra PVTM và lẩn tránh. Trong cơ cấu thành phần, doanh nghiệp FDI giữ vai trò chủ đạo, chiếm 71,7% xuất khẩu năm 2024, trong khi khu vực trong nước chỉ chiếm 28,3%, chủ yếu là nông lâm thủy sản. Xuất khẩu công nghiệp chế

biến, chế tạo ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, nhưng phụ thuộc nặng vào nguyên liệu nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan, khiến sản xuất – xuất khẩu dễ bị gián đoạn và làm tăng rủi ro bị điều tra lẫn tránh PVTM.

Về thị trường, Hoa Kỳ là đối tác xuất khẩu lớn nhất (29,5% tổng kim ngạch, đạt 119,6 tỷ USD năm 2024), trong khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất (144,3 tỷ USD, chiếm 37,9%), đồng thời cũng là nguồn nhập siêu lớn nhất của Việt Nam. Đáng chú ý, sự phụ thuộc nhập khẩu nguyên liệu từ Trung Quốc – quốc gia đang chịu nhiều biện pháp PVTM từ Hoa Kỳ – làm gia tăng nguy cơ hàng hóa Việt Nam bị cáo buộc lẫn tránh thuế khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ

2.1.2. Mối quan hệ giữa tình hình xuất nhập khẩu và nguy cơ bị điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại trong xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam

Việt Nam đang đối mặt với tình trạng bị lợi dụng làm điểm trung chuyển để lẫn tránh thuế, đặc biệt từ các doanh nghiệp FDI có nguồn gốc Trung Quốc. Nhiều sản phẩm như thép, gỗ đã bị điều tra và áp thuế chống lẫn tránh, gây ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín thương mại và cơ hội tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp nội địa. Ngoài ra, cơ cấu thị trường còn phụ thuộc lớn vào Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc; doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị chưa sâu; nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc vẫn chiếm tỷ trọng cao.

2.2. Phân tích thực trạng điều tra chống lẫn tránh và phòng tránh, ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

2.2.1. Thực trạng điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

Trong bối cảnh cạnh tranh thương mại toàn cầu gay gắt, các biện pháp PVTM (PVTM) như CBPG, CTC và tự vệ ngày càng phổ biến, kéo theo sự gia tăng mạnh các vụ điều tra chống lẫn tránh. Hoa Kỳ là quốc gia khởi xướng nhiều nhất với 46 vụ trong giai đoạn 2015–2024, số vụ

tăng mạnh sau khi sửa đổi quy định điều tra vào năm 2021. Liên minh châu Âu tiến hành khoảng 30 vụ điều tra chống lẩn tránh trong cùng giai đoạn, tập trung nhiều giai đoạn 2015–2019 và duy trì ổn định 2–3 vụ/năm từ 2021. Nhìn chung, hành vi lẩn tránh thuế đã lan rộng toàn cầu, với Trung Quốc là tâm điểm, nhưng nhiều quốc gia khác cũng tham gia dưới dạng gia công lại, đổi nhãn xuất xứ hoặc tái xuất. Điều này cho thấy thách thức lớn trong việc kiểm soát chuỗi cung ứng và xác định xuất xứ thực sự của hàng hóa.

Đối với Việt Nam, tính đến tháng 7/2025 đã có 40 vụ điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM, trong đó giai đoạn 2019–2024 chiếm gần một nửa. Hoa Kỳ khởi xướng nhiều nhất với 23 vụ, tiếp theo là EU và Thổ Nhĩ Kỳ. Xu hướng điều tra không chỉ gia tăng về số lượng mà còn phức tạp hơn khi nhiều nước tiến hành điều tra kép đối với cùng sản phẩm, đồng thời mở rộng phạm vi sang cả việc xác định sản phẩm có thuộc diện áp thuế hay không. Các vụ việc tập trung chủ yếu vào những ngành xuất khẩu lớn như thép, gỗ, nhôm, lốp xe và pin mặt trời, thường liên quan đến cáo buộc lẩn tránh thuế áp dụng cho Trung Quốc do sự gần gũi về địa lý, chuỗi cung ứng và dòng vốn FDI từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Tác động của các cuộc điều tra này rất tiêu cực: kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh, có thể ảnh hưởng tới gần 20 tỷ USD hàng hóa; hơn 1000 doanh nghiệp phải gánh chi phí lớn để tham gia vụ kiện; kế hoạch sản xuất – kinh doanh bị đảo lộn; uy tín và hình ảnh hàng hóa Việt Nam bị tổn hại; nguy cơ bị kiện dây chuyền ở nhiều thị trường khác; đồng thời làm giảm lợi ích từ các FTA, gây khó khăn trong hội nhập với các đối tác lớn như Hoa Kỳ và EU.

2.2.2. Tình hình phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2015 -2025

Để ứng phó với nguy cơ gia tăng các hành vi lẩn tránh PVTM và gian lận xuất xứ, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 824/QĐ-TTg năm 2019 và Quyết định số 316/QĐ-TTg năm 2020 nhằm tăng cường quản lý, xây dựng và vận hành Hệ thống cảnh báo sớm. Danh sách cảnh báo

được cập nhật thường xuyên, nhiều mặt hàng như gỗ, thép, pin năng lượng mặt trời sau đó đã thực sự bị điều tra. Sau sáu năm thực hiện, công tác quản lý đạt kết quả tích cực trong phối hợp liên ngành, nâng cao năng lực cảnh báo và tăng cường nhận thức cho doanh nghiệp. Các bộ, ngành đã thành lập tổ công tác, xây dựng kế hoạch hành động, đồng thời tổ chức tập huấn, xuất bản tài liệu nhằm nâng cao ý thức tuân thủ. Một số hiệp hội ngành hàng như Gỗ, Thép, Nhôm đã tích cực phối hợp với Cục PVTM để tuyên truyền, đào tạo hội viên. Về phía doanh nghiệp, nhiều đơn vị đã chủ động liên hệ để được tư vấn và bước đầu chú trọng truy xuất nguồn gốc nguyên liệu nhằm hạn chế rủi ro bị cáo buộc lẫn tránh.

Về ứng phó các vụ điều tra, Bộ Công Thương cùng các bộ, ngành liên quan đã triển khai nhiều biện pháp bảo vệ doanh nghiệp Việt Nam trên thị trường quốc tế, trong đó nổi bật là cảnh báo sớm các mặt hàng có nguy cơ bị điều tra, hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ quy định, phối hợp xử lý các vụ việc, tham gia tham vấn với cơ quan điều tra nước ngoài và trong một số trường hợp đưa vụ việc ra cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO. Khi phát sinh điều tra, hiệp hội ngành hàng là đầu mối truyền đạt thông tin, tổ chức họp hướng dẫn doanh nghiệp, đại diện ngành cung cấp số liệu, lập luận và phản biện với cơ quan điều tra, đồng thời kiến nghị những vướng mắc với cơ quan quản lý. Doanh nghiệp là đối tượng trực tiếp bị điều tra nên việc hợp tác đầy đủ là yếu tố then chốt, đồng thời có thể phải thuê luật sư, khiếu nại hoặc kiến nghị Chính phủ hỗ trợ nếu kết luận bất lợi. Tuy vậy, nhiều doanh nghiệp vẫn còn chủ quan, một số doanh nghiệp FDI rút khỏi thị trường khi xảy ra vụ việc, khiến ngành xuất khẩu trong nước chịu ảnh hưởng lâu dài bởi mức thuế chống lẫn tránh vốn thường duy trì nhiều năm.

2.2.3. Một số vụ việc điển hình về điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2015 -2025

2.2.3.1. Hoa Kỳ điều tra gỗ ván dán

a. Tóm tắt vụ việc: sau khi Hoa Kỳ áp thuế CBPG và CTC với gỗ dán Trung Quốc năm 2018 thì đến năm 2020 điều tra chống lẫn tránh với

cáo buộc gỗ dán gia công lắp ráp tại Việt Nam. Theo kết luận cuối cùng năm 2023 thì có 36 doanh nghiệp Việt Nam bị cáo buộc sử dụng lỗi ván bóc của Trung Quốc và phải chịu mức thuế là 206,34%. Các doanh nghiệp còn lại được áp dụng cơ chế tự chứng nhận cho từng lô hàng để không bị chịu mức thuế này.

b. Bài học rút ra: các kết luận điều tra PVTM có tính chủ quan, phụ thuộc vào phạm vi sản phẩm và tiêu chí định lượng rõ ràng; doanh nghiệp phải hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra để được hưởng cơ chế tự chứng nhận lô hàng. Các doanh nghiệp không hợp tác bị áp thuế cao, trong khi một số khác sau rà soát hành chính đã được gỡ bỏ thuế. Điều này cho thấy thách thức chủ yếu đến từ thủ tục và gánh nặng hành chính, chứ không hoàn toàn từ bản chất ngành gỗ dán Việt Nam.

2.2.3.2. EU điều tra về thép không gỉ xuất khẩu

a. Tóm tắt vụ việc: EC điều tra chống lẫn tránh thuế CBPG và CTC với thép không gỉ cán nguội nhập khẩu từ Việt Nam, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ năm 2023 và. Ba công ty Việt Nam nộp yêu cầu: một được miễn cả hai loại thuế, một chỉ được miễn thuế CBPG, một không được miễn loại thuế nào. Năm 2024, công ty thứ hai kiện lên Tòa án EU về việc EC mở rộng thuế CTC. Tòa xác định EC đã dùng dữ liệu không đầy đủ khi so sánh giá nhập nguyên liệu, và khi tính toán đúng thì công ty không hề hưởng lợi từ trợ cấp Indonesia. Kết quả, EC quyết định sửa đổi, miễn trừ cho 2/3 công ty của Việt Nam.

b. Bài học rút ra: (i) đây là trường hợp thành công hiếm có nhờ sự tham gia chủ động của cả doanh nghiệp và Cục PVTM; (ii) khác với Mỹ, EU áp dụng tiêu chí rõ ràng: ít nhất 60% giá trị nguyên liệu phải từ nước xuất xứ, giá trị gia tăng vượt 25%, và doanh nghiệp phải xin miễn trừ ngay trong quá trình điều tra. EU điều tra toàn bộ chứ không chọn mẫu, quy trình khắt khe hơn Mỹ và điều kiện rà soát cũng nghiêm ngặt.

2.2.3.3. Canada điều tra sơ-mi-rơ-móc

a. Tóm tắt vụ việc: Năm 2024, CBSA khởi xướng điều tra chống lẫn tránh thuế CBPG và CTC đối với sơ-mi-rơ-móc nhập khẩu từ Việt

Nam do nghi ngờ lẫn tránh biện pháp áp dụng với Trung Quốc. Ngày 23/5/2025, CBSA ra kết luận khẳng định hàng sơ-mi-rơ-moóc từ Việt Nam không có hành vi lẫn tránh. Nhờ vậy, doanh nghiệp Việt Nam tiếp tục xuất khẩu sang Canada mà không bị áp thuế PVTM, góp phần duy trì ổn định thương mại và tạo tín hiệu tích cực cho ngành trong bối cảnh rào cản thương mại toàn cầu gia tăng.

b. Bài học rút ra: Diễm nổi bật của vụ việc này là công tác cảnh báo sớm đã được làm rất tốt, dẫn đến công ty THACO có thời gian rà soát, hoàn thiện các hồ sơ, chứng từ để đảm bảo tuân thủ các quy định của Canada, cũng như điều chỉnh chuỗi cung ứng nguyên vật liệu cho thấy công ty không lẫn tránh thuế PVTM đã áp đối với Trung Quốc.

2.3. Đánh giá kết quả phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2015 -2025

2.3.1. Thành công trong phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam và nguyên nhân

Cục PVTM (Bộ Công Thương) đã phối hợp với luật sư nước ngoài và cơ quan điều tra để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam cung cấp hồ sơ, chứng minh không có hành vi lẫn tránh, qua đó nhiều vụ việc đạt kết quả tích cực, doanh nghiệp không bị áp thuế. Thép dây không gỉ, bánh xe kéo thép và tủ gỗ từ Việt Nam được Hoa Kỳ kết luận không lẫn tránh. Với các vụ việc còn lại, Hoa Kỳ áp dụng cơ chế tự xác nhận, cho phép doanh nghiệp hợp tác đầy đủ và chứng minh không sử dụng nguyên liệu từ nước bị áp thuế gốc để được miễn thuế. EU cũng miễn trừ một số doanh nghiệp trong vụ điều tra thép không gỉ cán nguội, trong khi Canada kết luận sơ-mi-rơ-moóc nhập khẩu từ Việt Nam không lẫn tránh, giúp duy trì xuất khẩu ổn định sang thị trường này.

Các kết quả kể trên đã giúp doanh nghiệp giữ vững thị trường xuất khẩu và bảo vệ uy tín hàng hóa Việt Nam. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý (hải quan, công thương, công an, VCCI...) đã góp phần

phát hiện, xử lý hiệu quả các hành vi vi phạm và tạo hiệu ứng răn đe rõ rệt. Công tác cảnh báo giúp cơ quan quản lý chủ động giám sát, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp kịp thời rà soát rủi ro, chuẩn bị hồ sơ và nguồn lực ứng phó khi bị điều tra. Hơn 70% doanh nghiệp thường xuyên nhận được cảnh báo từ cơ quan quản lý, và 55% doanh nghiệp cho biết đây là nguồn thông tin đầu tiên khi có vụ việc điều tra thực tế.

Những thành công trên trước hết đến từ chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, thể hiện rõ qua Quyết định số 824/QĐ-TTg nhằm ngăn chặn hành vi lẩn tránh, bảo vệ uy tín hàng hóa Việt Nam. Với sự chỉ đạo của Chính phủ, nhận thức của doanh nghiệp về PVTM đã được nâng cao, nhiều ngành, đặc biệt là thép, đã chủ động ứng phó và thành lập bộ phận chuyên trách xử lý các vụ việc.

2.3.2. Hạn chế trong phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam và nguyên nhân

Bên cạnh những thành công, công tác phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM vẫn còn hạn chế. Ở cấp Chính phủ, sau 6 năm triển khai Quyết định 824/QĐ-TTg, khuôn khổ pháp lý vẫn chưa hoàn thiện, còn chồng chéo trong quy định về xuất xứ và xử lý vi phạm, cơ chế phối hợp liên ngành đôi lúc thiếu ràng buộc. Nguồn lực tại địa phương còn hạn chế, cán bộ thiếu chuyên môn, công cụ kiểm tra giám sát chưa đầy đủ, dẫn đến khó phát hiện sớm các hành vi gian lận như “núp bóng” đầu tư hay khai sai xuất xứ.

Ở cấp doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhận thức về nguy cơ bị điều tra và yêu cầu khắt khe từ cơ quan điều tra nước ngoài còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp lúng túng khi bị điều tra, thậm chí vô tình tiếp tay cho gian lận. Đối với doanh nghiệp FDI, cơ chế theo dõi, giám sát sau cấp phép chưa chặt chẽ, tiềm ẩn nguy cơ gian lận xuất xứ hoặc chuyển tải bất hợp pháp, gây ảnh hưởng đến uy tín quốc gia.

Ở cấp hiệp hội, vai trò kết nối, vận động doanh nghiệp hợp tác và chia sẻ chi phí pháp lý còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ thường điều tra theo phương pháp chọn mẫu.

Nguyên nhân của các hạn chế chủ yếu như sau:

- **Nguyên nhân chủ quan:** (i) Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài còn bất cập: Bên cạnh các nhà đầu tư nghiêm chỉnh, cũng có không ít nhà đầu tư “núp bóng” nhằm né tránh biện pháp PVTM đang bị áp dụng; (ii) Kiểm soát việc cấp giấy chứng nhận xuất xứ chưa chặt chẽ; (iii) Chưa chú trọng nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp: bài học đó là cần nâng cao năng lực tư vấn pháp lý, đào tạo chuyên sâu cho doanh nghiệp là yếu tố then chốt trong phòng tránh rủi ro từ đầu.

- **Nguyên nhân khách quan:** (i) Chính sách TMQT của các nước lớn: chủ nghĩa bảo hộ gia tăng ở một số thị trường lớn và quan hệ thương mại giữa các nước lớn, như quan hệ thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc dẫn đến việc một sản phẩm có xuất xứ hợp lệ nhưng hành vi vẫn có thể bị xem là lẩn tránh; (ii) Sự thay đổi trong chuỗi cung ứng toàn cầu: xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng sang Việt Nam cũng đi kèm rủi ro bị các nước nhập khẩu nghi ngờ là nơi trung chuyển để né thuế; (iii) Rủi ro tất yếu khi năng lực xuất khẩu tăng cao: sự tăng trưởng về quy mô và năng lực của các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt là điện tử, dệt may, giày dép, gỗ, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu dồi dào và đa dạng dẫn đến các ngành sản xuất ở những nước nhập khẩu không cạnh tranh được và tìm cách khởi kiện Việt Nam với nhiều lí do khác nhau, trong đó có lí do lẩn tránh thuế.

CHƯƠNG 3: QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG TRÁNH VÀ ỨNG PHÓ ĐIỀU TRA CHỐNG LẤN TRÁNH BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

3.1. Bối cảnh và vấn đề đặt ra trong phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

3.1.1. Bối cảnh quốc tế

- Xu hướng bảo hộ dẫn dắt các chính sách thương mại quốc tế:

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng, đặc biệt sau khi các nước lớn đẩy mạnh “tự chủ chuỗi cung ứng”, “tái công nghiệp hóa” và mở rộng áp dụng biện pháp PVTM. Nếu trước đây các vụ điều tra lẩn tránh chủ yếu dựa trên kiến nghị của ngành sản xuất trong nước, thì nay cơ quan điều tra nhiều nước (DOC, EC, DGTR, KTC...) đã chủ động khởi xướng dựa trên dữ liệu thương mại, sử dụng công cụ big data, AI để phát hiện biến động bất thường. Hàn Quốc còn sửa luật đề cho phép tự điều tra từ 2025.

- Dòng dịch chuyển FDI và rủi ro Việt Nam trở thành điểm trung chuyển để lẩn tránh thuế: Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và tác động kéo dài của COVID-19 đã thúc đẩy làn sóng dịch chuyển FDI khỏi Trung Quốc sang các nước thay thế, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, xu hướng này cũng kéo theo sự giám sát chặt chẽ hơn từ các cơ quan điều tra quốc tế (DOC, EC, ITAC...), với lo ngại rằng nhiều cơ sở FDI tại Việt Nam chỉ thực hiện công đoạn lắp ráp đơn giản, chưa đáp ứng tiêu chí giá trị gia tăng nội địa. Thách thức lớn đặt ra cho doanh nghiệp Việt Nam là phải chứng minh được sản xuất thực chất, đảm bảo truy xuất nguồn gốc và mức độ chuyển đổi bản chất sản phẩm.

- Tính phức tạp trong các cuộc điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM tăng lên: Nhiều nước nhập khẩu như Hoa Kỳ, EU, Canada, Ấn Độ và Úc đang siết chặt chống lẩn tránh PVTM, mở rộng điều tra từ lô hàng đến chuỗi cung ứng và năng lực sản xuất quốc gia. Một số yêu cầu doanh nghiệp chứng minh “chuyển đổi đáng kể” thay vì chỉ dựa vào C/O, song tiêu chí thiếu thống nhất, làm gia tăng rủi ro.

3.1.2. Bối cảnh trong nước

- **Gia tăng áp lực từ các đối tác thương mại chủ chốt:** Việt Nam hiện là đối tác thương mại quan trọng của nhiều nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc và Canada, với kim ngạch xuất khẩu không ngừng tăng. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào một số thị trường chính khiến Việt Nam chịu áp lực lớn từ các biện pháp kiểm soát thương mại ngày càng khắt khe, bao gồm chống lẩn tránh thuế PVTM, truy xuất nguồn gốc và minh bạch hóa chuỗi cung ứng.

- **Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu - rủi ro về xuất xứ và chuỗi cung ứng:** Việt Nam dù đạt tỷ trọng xuất khẩu/GDP cao vẫn phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Các ngành chủ lực như dệt may, da giày, gỗ, thép, nhôm, giấy chưa xây dựng được chuỗi cung ứng nội địa đủ mạnh. Trong bối cảnh địa chính trị phức tạp, nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng thường trực, buộc doanh nghiệp thay đổi nguồn nguyên liệu đột ngột, dễ dẫn đến rủi ro về xuất xứ, sử dụng nguyên liệu từ nước bị áp thuế PVTM.

- **Ảnh hưởng ngày càng lớn của các tập đoàn đa quốc gia trong hoạt động xuất khẩu:** Tỷ trọng xuất khẩu từ các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam ngày càng lớn trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ cao và năng lượng tái tạo. Tuy có năng lực tuân thủ cao, sự phụ thuộc vào các quyết định điều chỉnh chuỗi cung ứng của họ khiến Việt Nam dễ rơi vào thế bị động. Việc chuyển công đoạn cuối từ nước bị áp thuế sang Việt Nam dễ làm hàng hóa bị nghi ngờ lẩn tránh PVTM, gia tăng nguy cơ điều tra và ảnh hưởng uy tín quốc gia.

- **Làn sóng đầu tư nước ngoài mới và thách thức sàng lọc FDI chất lượng:** Làn sóng dịch chuyển đầu tư khỏi Trung Quốc sau căng thẳng Mỹ – Trung đã biến Việt Nam thành điểm đến hấp dẫn cho FDI, đặc biệt trong các ngành dễ bị áp PVTM như pin mặt trời, thép, gỗ, xe đạp điện. Tuy nhiên, một số dự án chỉ tập trung gia công – lắp ráp đơn giản, thiếu giá trị gia tăng và liên kết với doanh nghiệp nội địa, dễ bị nghi ngờ là “vỏ bọc” để lẩn tránh thuế PVTM. Việc thiếu sàng lọc và giám sát FDI cũng có thể gây rủi ro trong các cuộc điều tra thương mại.

3.1.3. Cơ hội, thách thức và vấn đề đặt cho Việt Nam trong phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu

- **Cơ hội** : Áp lực từ các đối tác lớn như Hoa Kỳ, EU, Canada đã thúc đẩy Việt Nam hoàn thiện thể chế và nâng cao năng lực quản lý xuất xứ, minh bạch hóa chuỗi cung ứng theo chuẩn mực quốc tế. Đồng thời, việc trở thành đối tác chiến lược mở ra cơ hội tham gia đối thoại kỹ thuật và cơ chế tham vấn sớm với các cơ quan điều tra nước ngoài, bảo vệ lợi ích doanh nghiệp xuất khẩu. Các vụ điều tra chống lẩn tránh cũng khuyến khích giảm phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ và chuỗi cung ứng nội địa bền vững, nâng cao giá trị gia tăng trong nước.

- **Thách thức** : (i) Gia tăng nguy cơ bị điều tra do phụ thuộc chuỗi cung ứng và đầu tư nước ngoài; (ii) Hạn chế về nguồn lực và năng lực pháp lý; (iii) Doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ bị tổn thương.

- **Vấn đề đặt ra cho Việt Nam**: Việc gia tăng các cuộc điều tra chống lẩn tránh tạo rủi ro lớn cho xuất khẩu Việt Nam, gây giảm lợi thế cạnh tranh, mất thị trường, tốn thời gian và chi phí pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt khi một số vụ kéo dài đến 2–3 năm. Do đó, công tác phòng tránh và ứng phó điều tra cần được chú trọng. Chính phủ cần nâng cao hiệu quả hệ thống cảnh báo sớm, giám sát xuất xứ, quản lý sau đầu tư và có chế tài răn đe, đồng thời phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp khi bị điều tra. Hiệp hội cần theo dõi cảnh báo sớm, định hướng doanh nghiệp, phản ánh hành vi lẩn tránh và làm cầu nối với cơ quan quản lý. Doanh nghiệp xuất khẩu cần theo dõi thông tin cảnh báo, đa dạng hóa thị trường và mặt hàng, hiểu rõ quy định PVTM và chống lẩn tránh, đa dạng nguồn nguyên liệu, tăng giá trị gia tăng nội địa, triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc minh bạch, duy trì sổ sách kế toán đầy đủ, đồng thời hợp tác với cơ quan điều tra nước ngoài và liên hệ Cục PVTM khi cần hỗ trợ.

3.2. Quan điểm, định hướng phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam

- Quan điểm phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam: *Thứ nhất*, tiếp tục mở cửa, tự do hóa thương mại và bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước. *Thứ hai*, tiếp tục mục tiêu chiến lược xuất khẩu bền vững. *Thứ ba*, chủ động phòng tránh điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM. *Cuối cùng*, cần ứng phó hiệu quả điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM.

- Định hướng phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp PVTM: *Thứ nhất*, nâng cao hàm lượng giá trị gia tăng tạo ra tại Việt Nam. *Thứ hai*, hoàn thiện thể chế và tăng cường quản lý nhà nước. *Thứ ba*, Tăng cường hợp tác quốc tế.

3.3. Một số giải pháp phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

3.3.1. Giải pháp phòng tránh điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

Đối với *cơ quan quản lý nhà nước*, giải pháp quan trọng là hoàn thiện khung pháp lý về PVTM là cần thiết để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Bên cạnh đó cũng cần chú ý xây dựng và vận hành hiệu quả cơ chế cảnh báo sớm; nâng cao năng lực hậu kiểm cấp C/O; rà soát, hoàn thiện chính sách và cơ chế thu hút đầu tư nước ngoài; gia tăng tỷ lệ nội địa hóa – Giải pháp cốt lõi và lâu dài; và tuyên truyền, phổ biến cho Hiệp hội, doanh nghiệp.

Đối với *hiệp hội*, cần theo dõi tình hình nhập khẩu nguyên liệu, sản xuất và xuất khẩu thành phẩm; theo dõi và cảnh báo các hành vi bất thường; phối hợp trong công tác tuyên truyền.

Đối với *doanh nghiệp*, cần nghiên cứu quy định của các thị trường nhập khẩu mục tiêu; theo dõi thông tin cảnh báo sớm; không tiếp tay cho hành vi lẩn tránh; quản trị chuỗi cung ứng để chủ động nguồn nguyên vật liệu, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc.

3.3.2. Giải pháp ứng phó điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035

Đối với *cơ quan quản lý nhà nước*, cần xây dựng cảm nang hướng dẫn nghiệp vụ xử lý. Chính phủ cũng cần phối hợp chặt chẽ với các nước điều tra để cung cấp bằng chứng về năng lực sản xuất, nguồn gốc nguyên liệu, cơ chế quản lý C/O và chính sách quản lý đầu tư, sản xuất, xuất khẩu, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình thẩm tra tại chỗ, thông qua thương vụ, đại sứ quán và các cơ quan ngoại giao nhằm bảo vệ quyền lợi và hình ảnh quốc gia. Bên cạnh đó, Việt Nam cần chủ động đấu tranh pháp lý trên diễn đàn quốc tế khi có dấu hiệu điều tra lạm dụng, áp dụng sai luật hoặc vượt quá thẩm quyền nhằm bảo vệ uy tín quốc gia và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp Việt Nam.

Hiệp hội đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hợp tác của doanh nghiệp với cơ quan điều tra nước ngoài và hỗ trợ Chính phủ bảo vệ lợi ích ngành hàng. Ngay sau khi vụ việc khởi xướng, hiệp hội cần thông báo kịp thời cho hội viên về các thông tin cơ bản, cảnh báo rủi ro và nêu lợi ích khi hợp tác, đồng thời tổ chức đối thoại, tập huấn hoặc hội thảo hướng dẫn doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ, trả lời câu hỏi và đối phó xác minh tại chỗ. Hiệp hội cũng có thể thiết lập nhóm hợp tác giữa các doanh nghiệp, đặc biệt SMEs, để chia sẻ chi phí tư vấn pháp lý, kiểm toán, và chuẩn hóa khai báo số liệu nhằm đảm bảo tính nhất quán. Ngoài ra, hiệp hội phối hợp với Chính phủ và doanh nghiệp cung cấp dữ liệu chuyên ngành, cơ sở thực tiễn, bằng chứng kỹ thuật và số liệu sản lượng, giá thành, nguyên liệu, năng lực ngành, giúp củng cố hồ sơ bảo vệ ngành, phản biện phạm vi sản phẩm, hoặc loại trừ doanh nghiệp khỏi phạm vi điều tra, từ đó tăng cơ hội kết quả tích cực trong vụ việc.

Về phía doanh nghiệp xuất khẩu, cần tuân thủ đầy đủ và hợp tác chặt chẽ với cơ quan điều tra nước nhập khẩu để thể hiện thiện chí, giảm rủi ro bị áp thuế cao và có cơ hội tham gia cơ chế tự xác nhận khi cam kết không sử dụng nguyên liệu từ quốc gia bị áp thuế PVTM. Trong quá trình xử lý vụ việc, doanh nghiệp nên phối hợp với hiệp hội và cơ quan quản lý, sử dụng dữ liệu ngành và bằng chứng thực tế để phản biện, đồng thời được tư vấn về quy trình, thời hạn và nghĩa vụ pháp lý. Việc lưu trữ hồ sơ chứng từ đầy đủ, minh bạch về nguồn gốc nguyên liệu, quy trình sản xuất, hóa đơn và vận chuyển là bắt buộc để hưởng cơ chế miễn trừ biện pháp chống lẩn tránh và duy trì khả năng cạnh tranh. Đồng thời, doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược tham gia rà soát định kỳ để kịp thời điều chỉnh mức thuế, đảm bảo quyền lợi ngay cả khi kết quả điều tra không hoàn toàn thuận lợi.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều quốc gia tăng cường sử dụng các biện pháp PVTM để bảo vệ sản xuất trong nước, kéo theo xu hướng lẩn tránh thuế qua gian lận xuất xứ hay chuyển tải. Việt Nam với độ mở kinh tế lớn và kim ngạch xuất khẩu liên tục tăng trưởng đang trở thành đối tượng của nhiều cuộc điều tra, tính đến tháng 7/2025 đã có 40 vụ, chủ yếu tại Hoa Kỳ và EU, tập trung vào các ngành thép, gỗ, nhôm và pin năng lượng mặt trời. Trước thực tiễn đó, luận án xác định mục tiêu hệ thống hóa lý luận về PVTM và cơ chế phòng tránh, ứng phó điều tra chống lẩn tránh, đồng thời làm rõ vai trò của Nhà nước, doanh nghiệp và hiệp hội. Nghiên cứu cũng phân tích kinh nghiệm quốc tế, rút ra bài học cho Việt Nam, đánh giá thực trạng giai đoạn 2015–2024 và chỉ ra thành công, hạn chế cùng nguyên nhân. Trên cơ sở đó, luận án đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp đến năm 2030, tầm nhìn 2035, đồng thời mong tiếp tục nhận được góp ý để hoàn thiện giá trị khoa học và thực tiễn.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Phạm Châu Giang (2025), *Cơ sở lý luận và pháp lý về điều tra lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại - Một số khuyến nghị cho Việt Nam*, Tạp chí Điện tử Kinh tế và Dự báo, đăng ngày 07/08/2025, (e-ISSN 2734-9365), Hà Nội.

2. Phạm Châu Giang (2025), *Vấn đề đặt ra trong các cuộc điều tra lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu Việt Nam*, Tạp chí Điện tử Kinh tế và Dự báo, đăng ngày 12/08/2025, (e-ISSN 2734-9365), Hà Nội.

3. Phạm Châu Giang (2025), *Giải pháp phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với Việt Nam trong bối cảnh mới*, Tạp chí Quản lý Nhà nước, Năm thứ 32, số 355, đăng ngày 21/8/2025, Hà Nội.

4. Phạm Châu Giang (2025), *Kinh nghiệm phòng tránh và ứng phó điều tra chống lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại của một số nước Asean và bài học cho Việt Nam*, Tạp chí nghiên cứu Công nghiệp và Thương mại, ISSN: 2734 – 9799, đăng ngày 20/08/2025.